

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH
LIÊN SỞ XÂY DỰNG - TÀI CHÍNH



CÔNG BỐ

**GIÁ VẬT LIỆU THÁNG 01 NĂM 2024 ĐẾN HIỆN TRƯỜNG XÂY DỰNG
KHU VỰC TRUNG TÂM THÀNH PHỐ, THỊ XÃ VÀ CÁC HUYỆN**
(Số 01/2024/CBLS-XD-TC ngày 06 tháng 02 năm 2024)

Bắc Ninh, tháng 02 năm 2024

UBND TỈNH BẮC NINH
LIÊN SỞ XÂY DỰNG-TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 01/2024/CBLS-XD-TC.

Bắc Ninh, ngày 06 tháng 02 năm 2024

CÔNG BỐ

**Giá vật liệu xây dựng tháng 01 năm 2024 đến hiện trường xây dựng
khu vực trung tâm thành phố, thị xã và các huyện**

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014, Luật Xây dựng sửa đổi, bổ sung số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Giá số 11/2012/QH13 ngày 20/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 09/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về Quản lý vật liệu xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 39/2015/QĐ-UBND ngày 17/12/2015 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc ban hành Quy định phân công trách nhiệm quản lý Nhà nước trong lĩnh vực giá áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh;

Sau khi khảo sát thị trường, thống nhất ý kiến của các thành viên Tổ công tác xây dựng Công bố giá vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, Liên sở Xây dựng - Tài chính công bố giá vật liệu xây dựng đến hiện trường khu vực trung tâm thành phố, thị xã và các huyện tháng 01 năm 2024 để các chủ đầu tư, cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan tham khảo, áp dụng trong việc lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình theo quy định.

I. Nội dung công bố giá vật liệu xây dựng

1. Một số loại vật liệu chủ yếu (Chi tiết kèm theo phụ lục 1)

1.1. Cơ sở xác định giá vật liệu xây dựng

Giá vật liệu xây dựng trong bảng công bố được xác định trên cơ sở khảo sát mặt bằng giá trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh tại thời điểm; báo giá của các đơn vị sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng trong và ngoài tỉnh, mức giá công bố đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình tại trung tâm thành phố, thị xã và các huyện.

Giá VLXD tại trung tâm các huyện, thị xã và thành phố Từ Sơn đã tính với bán kính 2km, trung tâm thành phố Bắc Ninh đã tính với bán kính 3km.

1.2. Nguyên tắc xác định trung tâm các huyện và thành phố

Thành phố Bắc Ninh: Ngã sáu giao đường Lý Thái Tổ và đường Trần Hưng Đạo (QL18) làm trung tâm.

Thành phố Từ Sơn: Ngã tư giao đường Tỉnh lộ 295B (QL1A cũ) và đường Lý Thái Tổ làm trung tâm (cạnh Bưu điện Từ Sơn).

Huyện Tiên Du: Ngã tư giao đường Tỉnh lộ 295B (QL1A cũ) và đường Nguyễn Đăng Đạo (Tỉnh lộ 270) làm trung tâm (cạnh Bưu điện Tiên Du).

Huyện Yên Phong: Ngã tư giao đường Tỉnh lộ 286 và Tỉnh lộ 295 làm trung tâm.

Thị xã Quế Võ: Ngã tư giao đường QL18 và Tỉnh lộ 279 làm trung tâm (cạnh Bưu điện Quế Võ).

Thị xã Thuận Thành: Ngã tư giao đường QL38 và QL17 làm trung tâm.

Huyện Gia Bình: Ngã tư giao đường QL17 và Tỉnh lộ 280 làm trung tâm.

Huyện Lương Tài: Ngã tư giao đường Tỉnh lộ 280, Tỉnh lộ 281 và Tỉnh lộ 284 làm trung tâm (cạnh Hồ nước).

2. Thông tin giá của các đơn vị sản xuất, kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng

2.1. Bảng giá các doanh nghiệp (chi tiết kèm theo phụ lục 2)

Nhóm 1. Xi măng

1.1. Công ty TNHH TNC: Theo văn bản số 01/BG-TNC ngày 05/01/2024 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2024 (Quý I/2024).

1.2. Công ty xây dựng Hoàng Hải (TNHH): Theo văn bản số 01.24/BG-HH ngày 05/01/2024 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2024 (Quý I/2024).

Nhóm 2. Gạch nung, gạch không nung

2.1. Công ty xây dựng Đồng Nguyên (TNHH): Theo văn bản số 01/ĐN-BG ngày 05/01/2024 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2024 (Quý I/2024).

2.2. Công ty Quang Long (TNHH): Theo văn bản số 01/BG-QL ngày 22/01/2024 về việc giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2024 (Quý I/2024).

2.3. Công ty Cổ phần sông cầu Hà Bắc: Theo văn bản số 01/SCHB ngày 05/01/2024 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2024 (Quý I/2024).

2.4. Công ty TNHH sản xuất gạch bê tông Bắc Ninh: Theo văn bản số 0124/CV-BN ngày 23/01/2024 về việc giá vật tư, vật liệu để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2024 (Quý I/2024).

2.5. Công ty Cổ phần gạch Đại Kim: Theo văn bản số 01/2024 ngày 05/01/2024 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2024 (Quý I/2024).

2.6. Công ty TNHH bê tông cường độ cao: Theo văn bản số 01/2024/HSC-CBG ngày 09/01/2024 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2024 (Quý I/2024).

2.7. Công ty TNHH vật liệu xây dựng không nung Thuận Thành: Theo văn bản số 01/KNTT ngày 05/01/2024 về việc giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký

niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2024 (Quý I/2024).

2.8. Công ty thương mại và xây dựng Đức Việt (TNHH): Theo văn bản số 01.24/CV-ĐV ngày 20/01/2024 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2024 (Quý I/2024).

2.9. Công ty Cổ phần VLXD Minh Đạo: Theo văn bản số 01/BG-MĐ ngày 05/01/2024 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2024 (Quý I/2024).

2.10. Công ty Cổ phần Gạch công nghệ mới: Theo văn bản số 01/CNM ngày 05/01/2024 về việc giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2024 (Quý I/2024).

2.11. Công ty TNHH vật liệu xây dựng Hoàn Sơn: Theo văn bản số 05/2024-VLXDHS ngày 05/01/2024 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2024 (Quý I/2024).

Nhóm 3. Vật liệu ốp lát

3.1. Công ty TNHH Thanh Thanh Tùng: Theo văn bản số 050124/CV-ĐG ngày 05/01/2024 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2024 (Quý I/2024).

3.2. Công ty Cổ phần kinh doanh gạch ốp lát Viglacera: Theo văn bản số 23.1/VIKD-DA ngày 05/01/2024 về việc giá vật tư, vật liệu để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh (Quý I-2024).

3.3. Công ty Cổ phần Catalan: Theo văn bản số 06/CV-CTL ngày 05/01/2024 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2024 (Quý I/2024).

3.4. Công ty Cổ phần tập đoàn đầu tư Grand Home: Theo văn bản số 01/GH-DA ngày 11/01/2024 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2024 (Quý I/2024).

Nhóm 4. Vật liệu lợp

4.1. Công ty Cổ phần Austnam: Theo văn bản số 01/2024 ngày 05/01/2024 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2024 (Quý I/2024).

Nhóm 5. Cửa các loại và trần nhà

5.1. Công ty Cổ phần nhôm Việt Pháp: Theo văn bản số 32/2024/CV-NVP ngày 03/10/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2024 (Quý I/2024).

5.2. Công ty TNHH đồ gỗ PLC: Theo văn bản số 01/2024/BG-PLC ngày 12/01/2024 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2024 (Quý I/2024).

5.3. Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng VENZA: Theo văn bản số 01012024/VENZA-SXD ngày 05/01/2024 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2024 (Quý I/2024).

5.4. Công ty TNHH thiết bị Bảo Minh An: Theo văn bản số 439/CV ngày 05/01/2024 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2024 (Quý I/2024).

5.5. Công ty Ngọc Hùng (TNHH): Theo văn bản số 01/CV-NH ngày 05/01/2024 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2024 (Quý I/2024).

5.6. Công ty TNHH sản xuất và xây dựng Trung Hiếu: Theo Công văn số 01/2024/CVĐK-TH ngày 01/01/2024 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2024 (Quý I/2024).

5.7. Công ty Cổ phần cơ khí Đông Anh Licogi: Theo văn bản số 05.01.24/CKDA/KD ngày 05/01/2024 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2024 (Quý I/2024).

5.8. Công ty TNHH thương mại và đầu tư NTG: Theo văn bản số 02/CV-NTG ngày 05/01/2024 về việc báo giá sản phẩm VLXD để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính tháng 01/2024 (Quý I/2024).

5.9. Công ty TNHH TD Door: Theo văn bản số 2501/CV ngày 05/01/2024 về việc báo giá sản phẩm VLXD để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính tháng Quý I/2024.

5.10. Công ty TNHH thương mại ATA Bắc Ninh: Theo văn bản số 801/BG-ATA ngày 08/01/2024 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2024 (Quý I/2024).

5.11. Công ty TNHH thiết kế và quảng cáo Việt Z: Theo văn bản số 01/CV/VZ-2024 ngày 05/01/2024 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2024 (Quý I/2024).

5.12. Công ty Cổ phần tập đoàn Singhal: Theo văn bản số 0110/SH.TB-VP ngày 10/10/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2023 (Quý IV/2023).

5.13. Công ty Cổ phần sản xuất nhôm Xingfa: Theo văn bản số 16/2024/CV-NXF ngày 03/01/2024 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2024 (Quý I/2024).

Nhóm 6. Sơn, bột bả các loại

6.1. Công ty TNHH liên doanh Sơn Pretty: Theo văn bản số 01/2024-SPT ngày 05/01/2024 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2024 (Quý I/2024).

6.2. Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng VENZA: Theo văn bản số 02012024/VENRA-SXD ngày 05/01/2024 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2024 (Quý I/2024).

6.3. Công ty Cổ phần thương mại sản xuất quốc tế NANOZTO: Theo văn bản số 01/BG-NANOZTO ngày 29/01/2024 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2024 (Quý I/2024).

6.4. Công ty TNHH Sơn Ronspec: Theo văn bản số 052035/RONSPEC ngày 05/01/2024 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2024 (Quý I/2024).

6.5. Công ty Cổ phần tập đoàn Thành Thắng: Theo văn bản số 62/BG-TĐTT ngày 05/01/2024 về việc giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2024 (Quý I/2024).

6.6. Công ty TNHH Hải Quân: Theo văn bản số 01.2024/TB-HQ ngày 05/01/2024 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2024 (Quý I/2024).

6.7. Công ty Cổ phần ST Quốc Tế: Theo văn bản số 01-2024/STQT ngày 05/01/2024 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2024 (Quý I/2024).

6.8. Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Thế Gia: Theo văn bản số 0101/2024 ngày 05/01/2024 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2024 (Quý I/2024).

6.9. Chi nhánh Công ty cổ phần L.Q Joton tại Hải Dương: Theo văn bản số 01/2024 ngày 05/01/2024 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2024 (Quý I/2024).

6.10. Công ty Cổ phần tập đoàn sơn Nisfor Việt Nam: Theo văn bản số 02/CV-BG ngày 05/01/2024 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2024 (Quý I/2024).

6.11. Công ty Cổ phần công nghệ Tincom Quốc Tế: Theo văn bản số 01/TC-VP ngày 04/01/2024 về việc giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2024 (Quý I/2024).

6.12. Công ty Cổ phần VINAECO: Theo văn bản số 0124/VINAECO-SXDBN ngày 05/01/2024 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2024 (Quý I/2024).

Nhóm 7. Dây, cáp, thiết bị điện và phụ kiện

7.1. Công ty Cổ phần cơ điện Trần Phú: Theo văn bản số 01/TP-NYVL ngày 05/01/2024 về việc thông tin giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2024 (Quý I/2024).

7.2. Công ty Cổ phần Slighting Việt Nam: Theo văn bản số 06/CV-SLI ngày 05/01/2024 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2024 (Quý I/2024).

7.3. Công ty Cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng: Theo văn bản số 06/SXD-PT ngày 05/01/2024 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2024 (Quý I/2024).

7.4. Công ty Cổ phần điện và chiếu sáng Phương Đông: Theo văn bản số 1101.2024/PĐ ngày 11/01/2024 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2024 (Quý I/2024).

7.5. Công ty Cổ phần chiếu sáng đô thị Hoàng Gia: Theo văn bản số 01/GLSBN ngày 05/01/2024 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2024 (Quý I/2024).

7.6. Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc: Theo văn bản số 19012024/BNMB ngày 19/01/2024 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2024 (Quý I/2024).

7.7. Công ty Cổ phần đầu tư kinh doanh Nhật Quang: Theo văn bản số 101/NQ/2024 ngày 07/01/2024 về việc thông tin giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh Quý I/2024.

7.8. Công ty TNHH Vonta Việt Nam: Theo văn bản số 05.01/CV/2024 ngày 05/01/2024 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2024 (Quý I/2024).

7.9. Công ty Cổ phần đầu tư và thiết bị SK Việt Nam: Theo văn bản số 01/SK-CBGLS ngày 12/01/2024 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2024 (Quý I/2024).

7.10. Công ty Cổ phần chiếu sáng đô thị Hoàng Phát: Theo văn bản số 0501/CV/2024 ngày 05/01/2024 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2024 (Quý I/2024).

7.11. Công ty Cổ phần Đông Giang: Theo văn bản số 501/2024 CV-ĐG ngày 05/01/2024 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2024 (Quý I/2024).

7.12. Công ty Cổ phần tập đoàn Hanaka: Theo văn bản số 13/2024/CV-HNK-KD ngày 18/01/2024 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2024 (Quý I/2024).

7.13. Công ty Cổ phần dây và cáp điện Thượng Đình: Theo văn bản số 1201/CDS ngày 12/01/2024 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2024 (Quý I/2024).

7.14. Công ty Cổ phần Winco Việt Nam: Theo văn bản số 01/WINCO-CV ngày 05/01/2024 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2024 (Quý I/2024).

Nhóm 8. Phòng cháy, chữa cháy

8.1. Công ty Cổ phần phát triển thương mại và xây lắp Bình Minh: Theo văn bản số 0103/CVBM ngày 03/01/2024 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2024 (Quý I/2024).

Nhóm 9. Ống nước, thiết bị vệ sinh và phụ kiện

9.1. Công ty Cổ phần nhựa thiếu niên Tiên Phong: Theo văn bản số 04/NTP ngày 05/01/2024 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2024 (Quý I/2024).

9.2. Công ty Cổ phần ASIA Kinh Bắc: Theo văn bản số 01/BG-ASIA ngày 20/01/2024 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2024 (Quý I/2024).

9.3. Công ty TNHH thiết bị và vật tư ngành nước Hà Nội: Theo văn bản số 0105/NHN ngày 05/01/2024 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2024 (Quý I/2024).

9.4. Công ty Cổ phần Santo: Theo văn bản số 01/24/CV-ST ngày 05/01/2024 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2024 (Quý I/2024).

Nhóm 10. Cấu kiện bê tông đúc sẵn, bê tông thương phẩm, Carbon Asphalt

10.1. Công ty TNHH Đất Việt: Theo văn bản số 01/2024 ngày 05/01/2024 về việc báo giá sản phẩm vật liệu xây dựng đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2024 (Quý I/2024).

10.2. Công ty TNHH xây dựng Đại An: Theo văn bản số 01/01/2024/CV-ĐA ngày 05/01/2024 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2024 (Quý I/2024).

10.3. Công ty TNHH thương mại và xây dựng Phạm Đình: Theo văn bản số 01/2024-PD ngày 05/01/2024 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh Quý I/2024.

10.4. Công ty Cổ phần AVIA: Theo văn bản số 0105/2024 ngày 05/01/2024 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2024 (Quý I/2024).

10.5. Công ty Cổ phần xây dựng Vũ Hùng: Theo văn bản số 01/2024-VH ngày 20/01/2024 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2024 (Quý I/2024).

10.6. Công ty TNHH một thành viên 17: Theo văn bản số 04/CB-CT ngày 05/01/2024 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2024 (Quý I/2024).

10.7. Công ty TNHH sản xuất thương mại xây dựng Ngân Hà: Theo văn bản số 01/2024 ngày 05/01/2024 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2024 (Quý I/2024).

10.8. Công ty TNHH Khánh Trang: Theo văn bản số 01/2024 ngày 10/01/2024 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2024 (Quý I/2024).

10.9. Công ty Cổ phần xây dựng Sài Gòn - Kinh Bắc: Theo văn bản số 10012024/CVSKB ngày 10/01/2024 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2024 (Quý I/2024).

10.10. Công ty TNHH sản xuất và thương mại Ngân Cầu: Theo văn bản số 01/CVBGNC ngày 05/01/2024 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2024 (Quý I/2024).

10.11. Công ty Cổ phần Trường Xuân: Theo văn bản số 01/2024 ngày 10/01/2024 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh (Quý I/2024).

10.12. Công ty Cổ phần Carbon Việt Nam: Theo văn bản số 19/2024/CV-TGD ngày 05/01/2024 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh Quý I/2024.

2.2. Một số lưu ý khi sử dụng thông tin giá vật tư, vật liệu xây dựng.

a) Về thông tin giá:

Giá các loại vật tư, vật liệu công bố nêu trên được xác định và công bố theo giá niêm yết do các đơn vị sản xuất, kinh doanh cung cấp để chủ đầu tư, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan tham khảo; chưa loại trừ các khoản chiết khấu, ưu đãi (nếu có) của các đơn vị sản xuất kinh doanh.

b) Yêu cầu đối với các đơn vị, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh niêm yết, công bố:

Thực hiện đầy đủ các nội dung theo Hướng dẫn số 01/HD-SXD ngày 02/01/2024 của Sở Xây dựng Bắc Ninh về việc hướng dẫn đăng ký niêm yết giá vào Bảng công bố giá vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các hồ sơ, tài liệu gửi liên Sở Xây dựng - Tài chính Bắc Ninh và mức giá mà đơn vị đã niêm yết, công bố, chất lượng sản phẩm theo quy định; có trách nhiệm thông tin, công bố kịp thời khi thay đổi giá bán, chất lượng sản phẩm cho liên Sở.

Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh theo quy định pháp luật về hoạt động doanh nghiệp, thương mại, giá, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm, hàng hóa và các quy định khác có liên quan. Không vi phạm các hành vi bị cấm trong hoạt động sản xuất và kinh doanh sản phẩm, hàng hóa theo quy định pháp luật.

c) Yêu cầu đối với các cơ quan, đơn vị tham khảo, áp dụng công bố:

Khi áp dụng giá vật tư, vật liệu trong thông tin giá này yêu cầu doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh cung cấp hồ sơ chất lượng và giá vật tư, vật liệu tại thời điểm đảm bảo phù hợp với mặt bằng thị trường, chống thất thoát, lãng phí, hoàn toàn chịu trách nhiệm về những sản phẩm, vật tư, vật liệu khi áp dụng.

Khuyến khích lựa chọn vật tư, vật liệu xây dựng tiết kiệm tài nguyên khoáng sản, tiết kiệm năng lượng, thân thiện môi trường và có giá thành thấp.

II. Hướng dẫn tham khảo hoặc vận dụng giá vật liệu xây dựng trong công bố

Giá vật liệu xây dựng kèm theo công bố này là loại vật liệu phổ biến trong xây dựng công trình làm cơ sở tham khảo cho việc lập đơn giá xây dựng công trình. Giá những loại vật tư, vật liệu xây dựng có trong công bố tại khu vực thành phố Bắc Ninh, trong trường hợp các huyện, thị xã, thành phố Từ Sơn không có thì có thể tham khảo ở thành phố Bắc Ninh.

Một số vật liệu không có trong công bố giá của liên Sở hoặc trường hợp giá vật tư, vật liệu xây dựng tại thời điểm lập dự toán, lập giá gói thầu có biến động (tăng

hoặc giảm) so với giá công bố thì chủ đầu tư, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan tự tổ chức khảo sát, xác định và quyết định giá vật liệu khi lập dự toán, quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình đảm bảo phù hợp với yêu cầu của từng công trình đảm bảo theo quy định của pháp luật về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng và các quy định pháp luật liên quan, đồng thời kịp thời phản ánh thông tin về Sở Xây dựng và Sở Tài chính để cập nhật dữ liệu.

Chủ đầu tư, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan khi sử dụng giá vật tư, vật liệu trong công bố giá này để lập, thẩm tra, thẩm định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng cần căn cứ vào thời điểm, địa điểm công trình, địa điểm cung cấp vật tư, khối lượng vật liệu sử dụng, mục tiêu đầu tư, tính chất công trình, yêu cầu thiết kế và quy định quản lý chất lượng công trình để xem xét, lựa chọn loại vật tư, vật liệu hợp lý, xác định giá vật tư, vật liệu phù hợp với mặt bằng thị trường, đảm bảo mục tiêu đầu tư, chống thất thoát, lãng phí và hoàn toàn chịu trách nhiệm khi sử dụng giá vật tư, vật liệu trong công bố giá này.

Chủ đầu tư, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan khi sử dụng thông tin giá theo công bố này phải chịu trách nhiệm quản lý chi phí đầu tư theo Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng và thực hiện đúng các quy định hiện hành./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Bộ Xây dựng (b/c);
- Các Sở ngành liên quan;
- UBND các huyện, thị xã và thành phố;
- Giám đốc và các Phó giám đốc Sở XD, Sở TC;
- Công TTĐT Sở XD;
- Lưu: VT, KT&VLXD, QLGD, Nnh.

SỞ TÀI CHÍNH
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đình Huân

SỞ XÂY DỰNG
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Xuân Đoàn



PHỤ LỤC 1

**BẢNG GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐẾN HIỆN TRƯỞNG XÂY DỰNG
KHU VỰC THÀNH PHỐ BẮC NINH**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 - Mức giá chưa bao gồm VAT
(Kèm theo Công bố số 01/2024/CBLS-XD-TC ngày 06/02/2024 của Liên Sở Xây dựng-Tài chính)

Số TT	Danh mục vật liệu xây dựng		Đơn vị tính	Đơn giá (đồng)	Tiêu chuẩn kỹ thuật
	1	Cát xây dựng			
1		Cát xây trát	m ³	212.757	
2		Cát vàng	m ³	462.757	
3		Cát san lấp	m ³	202.757	
	2	Đá dăm xây dựng			
4		Đá dăm xanh 1 x 2 (đá chọn)	m ³	335.235	
5		Đá dăm xanh 2 x 4 (đá chọn)	m ³	325.235	
7		Đá dăm cấp phối loại I	m ³	300.235	
8		Đá dăm cấp phối loại II	m ³	290.235	
	3	Xăng, dầu			
		<i>Từ ngày 04/01/2024</i>			
9		Xăng RON95-III	lít	19.918	
10		Xăng sinh học E5 RON92-II	lít	19.091	
11		Diezen 0,05S-II	lít	17.600	
12		Dầu hoả 2-k	lít	18.136	
13		Dầu mazut No2B (3,5S)	kg	14.082	
		<i>Từ ngày 11/01/2024</i>			
14		Xăng RON95-III	lít	19.936	
15		Xăng sinh học E5 RON92-II	lít	19.127	
16		Diezen 0,05S-II	lít	17.909	
17		Dầu hoả 2-k	lít	18.482	
18		Dầu mazut No2B (3,5S)	kg	14.373	
		<i>Từ ngày 18/01/2024</i>			
19		Xăng RON95-III	lít	20.436	



20		Xăng sinh học E5 RON92-II	lít	19.464	
21		Diezen 0,05S-II	lít	18.355	
22		Dầu hoả 2-k	lít	18.664	
23		Dầu mazut No2B (3,5S)	kg	14.091	
		<i>Từ ngày 25/01/2024</i>			
24		Xăng RON95-III	lít	21.273	
25		Xăng sinh học E5 RON92-II	lít	20.155	
26		Diezen 0,05S-II	lít	18.518	
27		Dầu hoả 2-k	lít	18.673	
28		Dầu mazut No2B (3,5S)	kg	14.082	
	4	Sắt, thép			
		<i>1 - Thép Thái Nguyên</i>			
		<i>Thép tròn cuộn, thép cây</i>			
29		Thép tròn trơn D6, D8 cuộn CT3, CB240-T.	kg	15.106	QCVN07: 2019/BKHCN
30		Thép tròn vằn D8 cuộn SD295A, CB300-V	kg	15.106	
31		Thép tròn vằn D9 cây L=11,7m SD295A, CB300-V	kg	15.456	
32		Thép tròn vằn D10 cuộn CT5, SD295A, CB300-V	kg	15.156	
33		Thép tròn vằn D10 cây L=11,7m CT5, SD295A, CB300-V	kg	15.356	
34		Thép tròn vằn D12 cây L=11,7m CT5, SD295A, CB300-V	kg	15.206	
35		Thép tròn vằn D14÷D40 cây L=11,7m CT5, SD295A, CB300-V	kg	15.156	
36		Thép vằn D10 cây CB400-V, CB500-V	kg	15.356	
37		Thép vằn D12 cây L=11,7m, CB400-V, CB500-V	kg	15.206	
38		Thép vằn D14÷D40 cây L=11,7m, CB400-V, CB500-V	kg	15.156	
		<i>Thép hình các loại</i>			
39		Thép góc L40 SS400, CT38, CT42 L=6m, 9m, 12m	kg	15.856	
40		Thép góc L50 SS400, CT38, CT42 L=6m, 9m, 12m	kg	15.656	
41		Thép góc L60 SS400, CT38, CT42 L=6m, 9m, 12m	kg	15.656	

42	Thép góc L63÷L65 SS400, CT38, CT42 L=6m, 9m, 12m	kg	15.606	QCVN07: 2019/BKHCN
43	Thép góc L70÷L80 SS400, CT38, CT42, L=6m, 9m, 12m	kg	15.656	
44	Thép góc L90 SS400, CT38, CT42, L=6m, 9m, 12m	kg	15.456	
45	Thép góc L100 SS400, CT38, CT42, L=6m, 9m, 12m	kg	15.456	
46	Thép góc L120÷L130 SS400, CT38, CT42, L=6m, 9m, 12m	kg	17.206	QCVN07: 2019/BKHCN
47	Thép góc L150, SS400, L=6m, 9m, 12m	kg	17.556	
48	Thép góc L100 SS540, L=6m, 9m, 12m	kg	17.656	
49	Thép góc L120÷L130 SS540, L=6m, 9m, 12m	kg	17.656	
50	Thép góc L150 SS540, L=6m, 9m, 12m	kg	18.056	
51	Thép C8÷C10 SS400, CT38, CT42, L=6m, 9m, 12m	kg	15.506	
52	Thép C12 SS400, CT38, CT42, L=6m, 9m, 12m	kg	15.356	
53	Thép C14 SS400, CT38, CT42, L=6m, 9m, 12m	kg	16.506	
54	Thép C15 SS400, CT38, CT42, L=6m, 9m, 12m	kg	16.506	
55	Thép C16 SS400, CT38, CT42, L=6m, 9m, 12m	kg	16.506	
56	Thép I10 SS400, L=6m, 9m, 12m	kg	15.806	
57	Thép I12 SS400, L=6m, 9m, 12m	kg	15.756	
58	Thép I15 SS400, CT38, CT42, L=6m, 9m, 12m	kg	16.106	
	2 - Thép Hòa Phát			
59	D6 cuộn CB240-T	kg	14.136	QCVN07: 2019/BKHCN
60	D8 cuộn CB300-V	kg	14.136	
61	D12 cây gai CB300-V	kg	14.191	
62	D14 cây gai CB300-V	kg	14.091	
63	D16 cây gai GR40	kg	14.091	
64	D18 cây gai CB300-V	kg	14.091	
65	D20 cây gai B300-V	kg	14.091	
66	D22 cây gai CB300-V	kg	14.091	

		3 - Dây thép, đinh			
67		Dây thép đen các loại	kg	20.000	
68		Đinh các loại	kg	20.000	
		4 - Thép Việt Ý (Cty CP thép Việt Ý)			
69		Thép tròn trơn D6, D8 cuộn CB240T	kg	14.800	QCVN07: 2019/BKHCN TCVN1651- 1:2018 TCVN1651- 2:2018
70		Thép thanh vằn D10 CB300-V	kg	15.100	
71		Thép thanh vằn D10 CB400-V, CB500-V	kg	15.600	
72		Thép thanh vằn D12 CB300-V	kg	14.950	
73		Thép thanh vằn D12 CB400-V, CB500-V	kg	15.400	
74		Thép thanh vằn D13-D32 cây CB300-V	kg	14.950	
75		Thép thanh vằn D13-D32 CB400-V, CB500-V	kg	15.400	
76		Thép thanh vằn D36 CB400-V, CB500-V	kg	15.500	
77		Thép thanh vằn D40 CB400-V, CB500-V	kg	16.200	
		5 - Công ty CP tập đoàn VAS Nghi Sơn			
78		Thép cuộn D6 (CB240T)	kg	15.420	QCVN07: 2019/BKHCN TCVN1651- 1:2018 TCVN1651- 2:2018
79		Thép cuộn D8 (CB240T)	kg	15.420	
80		Thép cuộn D8 (CB300T)	kg	15.520	
81		Thép thanh vằn D10 (CB300V/Gr40)	kg	15.470	
82		Thép thanh vằn D12 (CB300V)	kg	15.370	
83		Thép thanh vằn D14-D20 (CB300V/Gr40)	kg	15.320	
84		Thép thanh vằn D10 (CB400V/CB500V)	kg	15.570	
85		Thép thanh vằn D12 (CB400V/CB500V)	kg	15.470	
86		Thép thanh vằn D14-D32 (CB400V/CB500V)	kg	15.420	

BẢNG GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐẾN HIỆN TRƯỜNG XÂY DỰNG KHU VỰC TRUNG TÂM CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ TỪ SƠN

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 - Mức giá chưa bao gồm VAT
(Kèm theo Công bố số 01/2024/CBLS-XD-TC ngày 06/02/2024 của Liên Sở Xây dựng-Tài chính)

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Danh mục vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Thành phố Từ Sơn	Huyện Tiên Du	Huyện Yên Phong	Thị xã Quế Võ	Thị xã T. Thành	Huyện Gia Bình	Huyện Lương Tài
1	Cát (TCVN)									
1	Cát xây trát	m ³		211.626	211.984	219.720	207.801	207.912	207.831	213.718
2	Cát vàng	m ³		461.626	461.984	469.720	452.801	452.912	452.831	458.718
3	Cát san lấp	m ³		201.626	201.984	209.720	192.801	192.912	192.831	198.718
2	Các loại Đá (TCVN)									
4	Đá dăm xanh (chọn) 1x2	m ³		330.430	330.982	341.794	323.965	324.105	324.003	327.021
5	Đá dăm xanh (chọn) 2x4	m ³		320.430	320.982	331.794	313.965	314.105	314.003	317.021
6	Đá dăm cấp phối loại 1	m ³		295.430	295.982	300.732	288.965	289.105	289.003	292.021
7	Đá dăm cấp phối loại 2	m ³		285.430	285.982	290.732	278.965	279.105	279.003	282.021